TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 23/02/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 551/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích E, sinh năm: 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp GG, xã SB, huyện HĐ, tỉnh KG.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hồng L, sinh năm: 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp GG, xã SB, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích E trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Bích E và anh Lê Hồng L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến hôn nhân vào năm 2013. Chị Bích E và anh L được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

(UBND) xã SB, huyện HĐ, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/12/2014. Sau khi cưới thì chị Bích E và anh L về chung sống bên gia đình nhà chồng ngụ tại tổ 8, ấp GG, xã SB, huyện HĐ, tỉnh KG, do không được lòng mẹ chồng nên chị Bích E và anh L đi làm công ty ở tỉnh Long An. Đến khi chị Bích E sinh được 02 người con chung thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh L bắt đầu phát sinh mà chủ yếu là do anh L thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình. Từ đó, chị và anh L thường xuyên cự cãi nhau, đôi khi còn xô xát lẫn nhau. Chị và anh L đã sống ly thân với nhau được hơn 01 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn nên chị Bích E yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng L.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống với nhau giữa chị Bích E và anh L có 02 người con chung tên Lê Hoàng S, sinh ngày 04/7/2014 và Lê Thị Bích N, sinh năm 13/08/2017. Hiện cả 02 người con chung đang do chị Bích E nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị Bích E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung cho đến tuổi thành niên và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị Bích E xác định chị và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/01/2024 bị đơn anh Lê Hồng L trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Anh Lê Hồng L và chị Nguyễn Thị Bích E đi đến hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã SB, huyện HĐ, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014; giữa anh và chị Bích E không có mâu thuẫn gì, trong cuộc sống vợ chồng anh vẫn quan tâm, chăm sóc và lo lắng cho gia đình. Tuy nhiên, vào khoảng 02 trước đây anh và chị Bích E không còn chung sống với nhau nữa vì anh phải chấp hành án phạt tù với thời gian 03 năm theo bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Do vậy, khi chị Bích E yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Anh L xác định anh và chị Bích E có 02 người con chung tên Lê Hoàng S, sinh ngày 04/7/2014 và Lê Thị Bích N, sinh năm 13/08/2017. Ly hôn anh đồng ý giao cho chị Bích E được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung cho đến tuổi thành niên và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung:* Quá trình chung sống với nhau anh và chị Bích E không có tạo lập được tài sản chung nào và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích E với anh Lê Hồng L. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Lê Hoàng S, sinh năm 2014 và Lê Thị Bích N, sinh năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Bích E được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Bích E phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Bích E yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng L, xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn anh Lê Hồng L có nơi cư trú tại ấp GG, xã SB, huyện HĐ, tỉnh KG nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lê Hồng L có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa HĐXX có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Bích E và anh Lê Hồng L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Sơn Bình, huyện HĐ, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/12/2014. Như vậy, hôn nhân giữa chị Bích E với anh L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau, chị Bích E cho rằng giữa chị và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh L thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến việc thường xuyên cự cãi nhau, đôi khi còn xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vì vậy chị và anh L bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay đã được hơn 01 năm. Hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh L nữa nên không thể hàn gắn và chung sống với nhau được. Tại phiên toà, chị Bích E vẫn cương quyết ly hôn với anh Lê Hồng L.

Tại biên bản ghi lời khai, anh L cho rằng giữa anh và chị Bích E không co mâu thuẫn gì, quá trình chung sống với nhau anh vẫn quan tâm, lo lắng cho vợ cho con. Tuy nhiên, khi chị Bích E yêu cầu ly hôn anh thì anh đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện ly hôn giữa các đương sự nên ghi nhận. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích E với anh Lê Hồng L.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị Bích E và anh L đều xác nhận quá trình chung sống với nhau anh chị có 02 người con chung tên Lê Hoàng S, sinh ngày 04/7/2014 và Lê Thị Bích N, sinh năm 13/08/2017.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Bích E là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; Từ khi chị Bích E và anh L sống ly thân với nhau thì cả 02 người con chung đều được chị Bích E nuôi dưỡng cho đến nay, đồng thời tại biên bản ghi ý kiến của cháu Lê Hoàng S cũng thể hiện cháu Hoàng S có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn; Hơn nữa theo yêu cầu nuôi con của chị Bích E cũng được anh L đồng ý, vì vậy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần thiết ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 người con chung cho chị Bích E được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Bích E trình bày chị có đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều xác nhận là không tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải

quyết. Do đó, HĐXX miễn xét. Sau này có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Bích E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích E với anh Lê Hồng L.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự; giao cháu Lê Hoàng S, sinh năm 2014 và Lê Thị Bích N, sinh năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Bích E được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Bích E nuôi con; anh L được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Bích E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000235 ngày 02/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh KG. Như vậy, chị Bích E không phải nộp thêm, anh L không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2024). Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng Điệp